TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trương Tấn P**, sinh năm 1998.

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Số nhà G, đường B, khu dân cư T, phường S, T, tỉnh Hải Dương.

Người được anh P uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Như Q**, sinh năm 2002.

Quê quán: Xã N, TP V, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi tạm trú trước khi xuất cảnh: Số nhà G, đường B, khu dân cư T, phường S, T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đang ở nước ngoài và không xác định địa chỉ cụ thể.

Anh P và chị Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Tấn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A và chị Nguyễn Thị Như Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/7/2021. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau, lập nghiệp và làm ăn kinh tế tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã. Chị Q còn hay đi chơi qua đêm và không chung thủy với anh, anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Khoảng tháng 2/2023 thì chị Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc mà không có sự trao đổi, bàn bạc gì với anh. Từ đó vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Dù vợ chồng đã được hai bên gia đình vận động, hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Toà án tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn với chị Q để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh và chị Q không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do anh P không cung cấp được địa chỉ của chị Q ở nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị Q. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh thu thập tài liệu chứng cứ tại gia đình nhà bố đẻ chị Q là ông Trần Văn T, kết quả thu thập được như sau: Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vinh cùng chính quyền địa phương nơi ông T cư trú nhiều lần đến nhà gặp ông T, ông cho biết chị Q đang ở nước ngoài và vẫn liên lạc về gia đình nhưng ông từ chối làm việc với Tòa án với lý do việc ly hôn của vợ chồng chị Q và anh P không liên quan gì đến gia đình ông.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh P có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Trương Tấn P ly hôn chị Nguyễn Thị Như Q; Về con chung: Không có nên không giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trương Tấn P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Như Q. Chị Q hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài, nơi tạm trú trước khi xuất cảnh tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P không cung cấp được địa chỉ của chị Q tại nước ngoài. Toà án đã gặp gia đình chị Q để yêu cầu cung cấp địa chỉ của chị Q. Bố đẻ của chị Q là ông Trần Văn T cho biết chị Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Mặc dù Toà án đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T vẫn từ chối cung cấp địa chỉ của chị Q với lý do chị Q không cung cấp địa chỉ cho ông biết. Vì vậy, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Tấn P và chị Nguyễn Thị Như Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/7/2021. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau, lập nghiệp và làm ăn kinh tế tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 2/2023 thì chị Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc mà không có sự trao đổi, bàn bạc gì với anh P. Từ đó vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Dù vợ chồng đã được hai bên gia đình vận động, hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Chị Q được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì, cũng không có mặt tham gia phiên hoà giải, phiên toà. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh P được ly hôn chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh P và chị Q không có con chung nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Tấn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Như Q.

2. Về án phí: Anh Trương Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000482 ngày 27/02/2024 (anh P đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường